

Kiên Giang, ngày 02 tháng 6 năm 2025

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Quý Công ty, đơn vị, các doanh nghiệp.

Trung tâm Khuyến nông được Sở Nông nghiệp và Môi trường Kiên Giang giao nhiệm vụ hoạt động chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật đến mọi nhà nông trong địa bàn tỉnh Kiên Giang, năm 2025 đơn vị đồng hành cùng nông dân thực hiện các chương trình, Dự án Khuyến nông làm cơ sở định hướng phát triển sản xuất nông nghiệp cho tỉnh Kiên Giang.

Để thực hiện thành công các chương trình dự án, Trung tâm Khuyến nông đề nghị quý Công ty và đơn vị cung cấp báo giá một số vật tư, thiết bị và dịch vụ mà đơn vị đang kinh doanh để Trung tâm Khuyến nông có căn cứ thực hiện mua sắm cho Dự án xây dựng mô hình cải thiện đất nhiễm mặn trong mô hình canh tác tôm-lúa năm 2025 (phụ lục đính kèm).

Địa chỉ gửi báo giá: Trung tâm Khuyến nông Kiên Giang, 1224 Nguyễn Trung Trực, phường An Bình, TP Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, điện thoại 0973.792079 (Thức); mail: congthuc0312@gmail.com

Rất mong được hợp tác từ các đơn vị. *Công thức*

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Vững

Phụ lục I

DANH MỤC HÀNG HOÀ VÀ YÊU CẦU KỸ THUẬT CƠ BẢN

(Kèm theo Thư mời báo giá ngày 02/6/2025 của Trung tâm Khuyến nông)

TT	Hạng mục	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
1	Giống tôm sú	Tôm sú gia hóa. Có nguồn gốc rõ ràng (truy xuất nguồn gốc bố mẹ). Kích cỡ đồng đều, phụ bộ đầy đủ, râu thẳng, đuôi xòe, thân màu sáng xám, vỏ bóng mượt kích cỡ post ≥ 15 . Được cơ quan chức năng kiểm tra, xét nghiệm âm tính bệnh MBV, bệnh đốm trắng, bệnh đầu vàng. Đáp ứng tiêu chuẩn quốc gia QCVN 02 - 34 - 1: 2021 về tôm sú giống. Phải có giấy kiểm dịch của cơ quan chức năng có thẩm quyền.	con	3.900.000
2	Chế phẩm gây màu nước	Thành phần có trong 1 kg sản phẩm: Protein $\geq 30\%$. Chỉ tiêu vi sinh vật theo Quy chuẩn kỹ thuật QCVN 02-32-1:2019/BNNPTNT. Dạng bột, theo quy cách của nhà sản xuất; Còn trên 2/3 thời hạn sử dụng kể từ ngày sản xuất.	kg	3.900
3	Chế phẩm vi sinh EM gốc	Thành phần và hàm lượng có trong 1.000 ml sản phẩm: Lactobacillus spp $\geq 1 \times 10^6$ CFU/ml (mười mũ 6); dung môi nước cất vừa đủ 1 lít; Không chứa chất cấm, kháng sinh.; Sản phẩm dùng để ủ vi sinh thứ cấp (1 lít chế phẩm ủ ≥ 30 lít thứ cấp). Chỉ tiêu vi sinh vật theo Quy chuẩn kỹ thuật QCVN 02-32-1:2019/BNNPTNT. Dạng nước, thể tích theo quy cách của nhà sản xuất; Còn trên 2/3 thời hạn sử dụng kể từ ngày sản xuất.	lít	3.900
4	Giống lúa ST24, ST25 (xác nhận)	Lúa giống đạt Quy Chuẩn QCVN 01-54:2011. Hạt giống lúa nguồn gốc rõ ràng, cấp xác nhận 1 hoặc tương đương; phải đảm chất lượng và chỉ tiêu kỹ thuật đáp ứng các chỉ tiêu của lúa giống. Bao bì còn nguyên vẹn, có in nhãn mác của nơi sản xuất. Có phiếu kiểm nghiệm chất lượng trong từng lô hoặc bao lúa; đảm bảo còn hạn sử dụng.	kg	4.000
5	Phân hữu cơ chùng vi sinh	Dạng hạt Đáp ứng yêu cầu Quy chuẩn Việt Nam QCVN 01-189:2019/BNNPTNT: hàm lượng chất hữu cơ $\geq 15\%$, có chứa ít nhất một loại vi sinh có ích $\geq 10^6$ CFU/g (mười mũ sáu). Bao bì còn nguyên vẹn, có quy trình hướng dẫn sử dụng. Còn 2/3 thời hạn sử dụng kể từ ngày sản xuất.	kg	25.000
6	Phân lân	Đáp ứng yêu cầu Quy định về quản lý phân bón theo Nghị định 84/2019/NĐ-CP; Quy chuẩn Việt Nam QCVN 189:2019/BNNPTNT Quy chuẩn quốc gia về phân bón. Mức chất lượng yêu cầu cụ thể: hàm lượng lân hữu hiệu $\geq 15\% P_2O_5$; hàm lượng Magie $\geq 14\%$ MgO hoặc $\geq 8,5\%$ Mg, hàm lượng Canxi $\geq 26\%$ CaO hoặc $\geq 18,5\%$ Ca.	kg	15.000

TT	Hạng mục	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
7	Điều hoà sinh trưởng thực vật	Dạng nước. Hàm lượng Brassinolide $\geq 0,01\%$. Tác dụng chống stress, giải độc phèn, mặn, chống sốc thời tiết, biến đổi khí hậu cho cây trồng.	chai	500
8	Vôi	Hàm lượng $\text{CaCO}_3 \geq 75\%$; Tác dụng hạ phèn, khử trùng. Sử dụng cho cải tạo ao hoặc ao đang nuôi tôm	kg	20.000
9	Bảng cắm lớn	- Kích thước: 2m x 1,5m. - Khung bằng sắt mạ kẽm vuông vuông ≥ 25 dày $\geq 1,2$ mm. Bạt in kỹ thuật số in 2 mặt, viền nhôm, trụ sắt mạ kẽm phi ≥ 76 , chôn chân 0,5m; cát, đá, xi măng vận chuyển và thi công đến địa điểm thực hiện mô hình. Kích cỡ, số lượng chữ theo yêu cầu.	cái	2
10	Bảng cắm nhỏ tại ruộng	- Kích thước: 90cm x 120cm. - Chất liệu bạt Hiflex; nội dung in kỹ thuật số trên 1 mặt. - Khung bằng sắt mạ kẽm vuông ≥ 20 , dày ≥ 1 mm, viền bao khung bằng nhôm. - Kích cỡ, số lượng chữ theo yêu cầu.	cái	6

* Ghi chú:

- Báo giá bao gồm thuế GTGT và chi phí vận chuyển đến địa điểm triển khai mô hình hoặc đến Trung tâm Khuyến nông Kiên Giang.
- Thời hạn nhận báo giá đến ngày: **09/06/2025**



Phụ lục II
MẪU BÁO GIÁ

Ngày: _ (Điền ngày tháng năm ký báo giá)

Kính gửi: Trung tâm Khuyến nông Kiên Giang

Sau khi nhận được Thư mời báo giá của quý đơn vị, chúng tôi, _ (ghi tên nhà cung cấp), có địa chỉ tại _ (Ghi địa chỉ nhà cung cấp), xin gửi bảng báo giá sản phẩm theo yêu cầu của quý đơn vị như sau:

TT	Danh mục hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Xuất xứ, ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	Tổng						

- Giá trên đã bao gồm thuế GTGT và chi phí vận chuyển đến địa điểm triển khai mô hình hoặc đến Trung tâm Khuyến nông Kiên Giang.
- Báo giá có giá trị từ ngày

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp
(Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)